

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07-4-2021

V/v Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Hữu Phúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thạch Út
2. Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 405/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 56/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Phạm Huỳnh Quốc T, sinh năm 1993; Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* Võ Thụy Thanh T, sinh năm 1999; Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang

Chỗ ở hiện nay: Ấp M, xã M1, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 20/7/2020, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Phạm Huỳnh Quốc T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Võ Thụy Thanh T kết hôn vào năm 2019, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, đến ngày 10/6/2019 đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 08 tháng, đến khoảng đầu năm 2020 thì bà T bỏ nhà đi không rõ nguyên nhân. Hiện nay ông và bà T không còn sống chung với nhau, ông không còn tình cảm với bà T nên yêu cầu ly hôn bà T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Khi kết hôn cha mẹ có cho 11 chỉ vàng 24K, bao gồm 01 chiếc lắc 05 chỉ vàng 24K, 01 dây chuyền 05 chỉ vàng 24K và 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K. Số vàng này bà T đang quản lý, ông yêu cầu chia đôi số vàng, mỗi người nhận 5,5 chỉ vàng 24K, bà T có nghĩa vụ giao lại cho ông 5,5 chỉ vàng 24K

- Về nợ chung: Không có

\* Tại biên bản hòa giải ngày 26/11/2020, quá trình tố tụng bà Võ Thị Thanh T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà thống nhất với lời trình bày của ông T về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn bà sống chung gia đình bên chồng được một thời gian ngắn, do vợ chồng bất đồng quan điểm về nhiều mặt nên bà về nhà cha mẹ ruột sống từ đầu năm 2020 đến nay, bà và ông T đã không sống chung với nhau từ đầu năm 2020. Hiện nay bà không còn tình cảm với ông T, trước yêu cầu ly hôn của ông T thì bà đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Bà thống nhất khi kết hôn cha mẹ có cho 11 chỉ vàng 24K, bao gồm 01 chiếc lắc 05 chỉ vàng 24K, 01 dây chuyền 05 chỉ vàng 24K và 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K. Số vàng bà quản lý và đã bán hết, nay ông T yêu cầu chia đôi số vàng thì bà đồng ý chia nhưng bà không có đủ khả năng giao lại ngay 5,5 chỉ vàng 24K cho ông T. Bà đồng ý sẽ giao lại 5,5 chỉ vàng 24K sau 06 tháng

- Về nợ chung: Không có

\* Tại phiên tòa:

Ông Phạm Huỳnh Quốc T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn bà Võ Thụy Thanh T và yêu cầu bà T giao lại 5,5 chỉ vàng 24K là  $\frac{1}{2}$  tài sản chung của ông bà.

Bà Võ Thụy Thanh T đồng ý ly hôn ông Phạm Huỳnh Quốc T, đồng ý giao lại cho ông T  $\frac{1}{2}$  tài sản chung là 5,5 chỉ vàng 24K nhưng xin gia hạn thời gian giao vàng là sau 06 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

*1.1 Quan hệ tranh chấp:* Tranh chấp giữa ông Phạm Huỳnh Quốc T và bà Võ Thụy Thanh T là vụ án ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*1.2 Thẩm quyền giải quyết:* Bà Võ Thụy Thanh T đăng ký hộ khẩu tại xã V, huyện C, tỉnh An Giang, sổ hộ khẩu số 1835. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

*[2] Về nội dung tranh chấp:*

*2.1 Về hôn nhân:* Ông Phạm Huỳnh Quốc T và bà Võ Thụy Thanh T kết hôn năm 2019, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn ông Phạm Huỳnh Quốc T và bà Võ Thị Thanh T đều cho rằng giữa hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, bà T về nhà cha mẹ ruột sống từ đầu năm 2020 đến nay nhưng cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm.

Tại phiên tòa ông Phạm Huỳnh Quốc T và bà Võ Thụy Thanh T đều xác nhận không còn tình cảm và đều đồng ý ly hôn, như vậy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn và nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

*2.2 Về con chung:* Không có.

*2.3 Về tài sản chung:* Ông Phạm Huỳnh Quốc T và bà Võ Thụy Thanh T đều xác nhận khi kết hôn cha mẹ có cho vợ chồng 11 chỉ vàng 24K, bao gồm 01 chiếc lắc 05 chỉ vàng 24K, 01 dây chuyền 05 chỉ vàng 24K và 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K. Bà Võ Thụy Thanh T thừa nhận khi bà đi có mang theo toàn bộ số vàng này, nay ông T yêu cầu chia đôi số vàng, mỗi người nhận  $\frac{1}{2}$  tài sản chung của vợ chồng thì bà đồng ý giao lại cho ông T 5,5 chỉ vàng 24K nhưng xin được gia hạn thời gian giao vàng là 06 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm, yêu cầu của bà T không được ông T chấp nhận. Hội đồng xét xử nhận thấy đủ căn cứ xác định tài sản chung của vợ chồng ông T và bà T có 11 chỉ vàng 24K, ông T yêu cầu chia đôi số vàng và nhận 5,5 chỉ vàng 24K là phù hợp quy định pháp luật nên được xem xét chấp nhận. Bà T là người quản lý toàn bộ tài sản này nên có nghĩa vụ giao lại cho ông T 5,5 chỉ vàng 24K, việc bà T xin gia hạn thời hạn giao vàng sau 06 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*2.4 Về nợ chung:* Không có

*[3] Về án phí sơ thẩm:* Ông T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Ông T và bà T phải chịu án phí đối với phần tài sản được chia theo quy định tại quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Giá vàng tại thời điểm xét xử là 5.070.000 đồng/chỉ. Ông T và bà T phải chịu án phí chia tài sản chung tương ứng với phần giá trị tài sản mà họ được chia.

$$5.070.000 \text{ đồng} \times 5,5 \text{ chỉ} \times 5\% = 1.394.250 \text{ đồng}$$

[4] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

**Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Huỳnh Quốc T.

1. *Về hôn nhân*: Ông Phạm Huỳnh Quốc T được ly hôn bà Võ Thụy Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 59/2019 ngày 10/6/2019 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. *Về tài sản chung*: Bà Võ Thụy Thanh T có nghĩa vụ giao lại cho ông Phạm Huỳnh Quốc T 5,5 chỉ vàng 24K.

3. *Về án phí sơ thẩm*: Ông Phạm Huỳnh Quốc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 1.394.250 đồng (một triệu ba trăm chín mươi bốn ngàn hai trăm năm mươi đồng) án phí chia tài sản chung, tổng cộng là 1.694.250 đồng (một triệu sáu trăm chín mươi bốn ngàn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 1.050.000đ (một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007274 ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Ông T còn phải nộp thêm 644.250 đồng (sáu trăm bốn mươi bốn ngàn hai trăm năm mươi đồng).

Bà Võ Thụy Thanh T phải chịu 1.394.250 đồng (một triệu ba trăm chín mươi bốn ngàn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Quyền kháng cáo*: Ông Phạm Huỳnh Quốc T và bà Võ Thụy Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/4/2021).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

**Đỗ Hữu Phúc**